

Bản án số: 203/2017/DS-PT

Ngày: 01 - 12 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
thành quả lao động trên đất lâm nghiệp và
tranh chấp tiền trong hợp đồng thế chấp
thành quả lao động trên đất lâm nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Xuân Trúc

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp, tranh chấp tiền trong hợp đồng thế chấp thành quả lao động trên đất lâm nghiệp”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2017/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L : Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hoàng Tr: Luật gia Trương Minh Ch, Địa chỉ: Số 124 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Kim H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Ngô Kim D (Ngô Kim D), sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ , tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Hồng T , sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N , tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Ông Võ Văn Đ (chồng bà L), sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

5. Ban Quản lý rừng phòng hộ T ; Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N , tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc E , Chức vụ: Trưởng ban (Vắng mặt).

6. Chi cục Thi hành án dân sự huyện N ; Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Bá Tr , Chấp hành viên (vắng mặt).

7. Ông Tống Văn Th , sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hoàng Tr – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng Tr có ký kết hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp vào ngày 09/9/2015 đối với phần đất 39.000 m² thuộc Tiểu khu 134, ấp H, xã T, huyện N , tỉnh Cà Mau thuộc sự quản lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ T . Giá chuyển nhượng là 350.000.000 đồng, giao trước 150.000.000 đồng vào ngày 09/9/2015, đến ngày 22/5/2017 dương lịch giao tiếp 200.000.000 đồng (vì phần đất ông Tr có cho bà H đến ngày 22/5/2017 mãn hợp đồng). Đến thời điểm này thì ông Tr sẽ nhận đất từ bà H để giao đất cho bà. Việc ông Tr chuyển nhượng cho bà thì bà H biết và đồng ý. Khi chưa đến hạn giao đất, giao tiền thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đã kê biên phần đất trên để thi hành bản án cho bà Huỳnh Hồng T do ông Tr thiếu nợ bà T . Chi cục THADS huyện N ấn định cho bà thời hạn một tháng khởi kiện, do đó bà đã khởi kiện đối với ông Tr để yêu cầu ông Tr tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp, bà yêu cầu ông Tr giao đất cho bà, bà tiếp tục trả cho ông Tr 200.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Tr trình bày:

Ông Tr có phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại Tiểu khu 134 (trước đây là tiểu khu 132), thửa số 321 khoảnh 10 thuộc ấp Hi, xã T huyện N tỉnh Cà Mau, diện tích 3,9ha. Phần đất này trước đây ông Tr nhận chuyển nhượng từ ông Tống Văn Th .

Vào năm 2014 ông Tr đã cõ phần đất cho bà Lâm Kim H , khi cõ có làm giấy tay vào ngày 22/5/2014 và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T . Thời hạn cõ: 03 năm từ ngày 22/5/2014 đến 22/5/2017. Giá trị cõ: 200.000.000 đồng và có thỏa thuận: “Hết thời hạn cõ mà ông Tr không trả lại đủ số tiền thì hợp đồng lại”.

Đến tháng 9 năm 2015, ông Tr chuyển nhượng thành quả lao động trên đất cho bà L , có lập thành văn bản “Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động” ngày 04/9/2015. Giá trị chuyển nhượng là 350.000.000 đồng, đợt đầu thanh toán

150.000.000 đồng vào ngày 09/9/2015 (có làm biên nhận giấy tay), phần còn lại 200.000.000 đồng sẽ thanh toán vào ngày 22/5/2017 khi hết thời hạn cổ đất vuông với bà Lâm Kim H .

Trước đó, ông Tr ly hôn, chia tài sản và chia nợ với vợ là Ngô Kim D (D), thì phần ông Tr có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Huỳnh Hồng T số tiền 100.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bà T , Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đã kê biên phần đất trên để đảm bảo thi hành án cho bà T .

Qua yêu cầu của bà L , ông Tr không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động, vì bà L không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu đó là bà L tự đi làm thủ tục chuyển nhượng hợp pháp, do bà L không thực hiện các thủ tục chuyển nhượng từ ông Tr sang bà L nên phần đất đã bị kê biên để thi hành án cho bà T .

Đối với yêu cầu của bà Lâm Kim H , ông Tr đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà H là thanh toán cho bà H 200.000.000 đồng tiền cổ đất vuông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Kim H trình bày:

Bà H có nhận cổ phần đất nuôi trồng thủy sản của ông Tr , khi cổ có làm giấy tay vào ngày 22/5/2014 và có xác nhận của UBND xã T . Thời hạn cổ 03 năm, từ ngày 22/5/2014 đến 22/5/2017 mãn hợp đồng. Giá trị cổ 200.000.000 đồng và có thỏa thuận: “Hết thời hạn cổ mà ông Tr không trả lại đủ số tiền thì tiếp tục hợp đồng lại”.

Đến nay đã hết thời hạn cổ, bà H yêu cầu ông Tr có trách nhiệm thanh toán số tiền 200.000.000 đồng, bà H đồng ý giao đất. Trên phần đất hiện có một chòi lá tạm do bà H cất để ở xỏ vuông, khi giao trả đất vuông bà H tự tháo dỡ chòi lá và không có yêu cầu.

Đối với việc chuyển nhượng thành quả lao động trên đất giữa bà L và ông Tr thì bà H biết và đồng ý vì bà L nhận chuyển nhượng sẽ giao cho bà H 200.000.000 đồng khi mãn hợp đồng cổ với ông Tr . Vì vậy, năm 2015 bà H đã giao lại giấy tờ liên quan đến phần đất để cho ông Tr giao cho bà L .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim D (D) trình bày:

Bà D và ông Tr là vợ chồng nhưng nay đã ly hôn, trước đây bà D có ký vào giấy cổ đất của ông Tr và bà H vì lúc đó bà D còn là vợ ông Tr nhưng phần đất là tài sản riêng của ông Tr , bà D không liên quan đến các tranh chấp về phần đất này, việc tranh chấp bà D không có ý kiến và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Hồng T trình bày: Căn cứ Bản án số 32/2016/HNGĐ-ST ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện N , quyết định buộc ông Nguyễn Hoàng Tr phải thanh toán cho bà T số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 09/9/2016 bà T gửi đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục THADS huyện N ra quyết định kê biên phần đất (phần đất của ông Tr chuyển nhượng cho bà L). Bà T yêu cầu ông Tr phải trả đủ 100.000.000 đồng thì mới được quyền chuyển nhượng cho bà L . Bà T xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày: Ông Đ là chồng bà L , Ông Đ thống nhất với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của bà L .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ban Quản lý rừng phòng hộ T do ông Nguyễn Quốc E thể hiện ý kiến như sau: Thống nhất với việc chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp giữa ông Tr và bà L. Ông Tr chỉ được quyền chuyển nhượng thành quả lao động trên đất, không được quyền cổ đất, không chấp nhận việc cổ đất vuông giữa ông Tr với bà H. Ban Quản lý rừng phòng hộ T xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện N thể hiện ý kiến tại Công văn số 205/TT-CCTHADS ngày 27/6/2017 như sau: Bản án số 32/2016/HNGĐ-ST ngày 15/8/2016 có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án đã xác minh và kê biên tài sản là phần đất của ông Tr để đảm bảo thi hành án cho bà T số tiền 100.000.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự huyện N đã ra quyết định thi hành án số 04/QĐ-CCTHA ngày 05 tháng 10 năm 2016 và có quyết định kê biên thành quả lao động, giá trị đầu tư và tài sản trên phần đất vuông của ông Tr. Quá trình tổ chức thi hành án, qua xác minh điều kiện thi hành án của ông Tr và xác minh thực tế tại Ban quản lý rừng phòng hộ T xác định phần đất trên có nguồn gốc là do ông Tr nhận chuyển nhượng từ ông ông Tổng Văn Th và do ông Tr đứng tên hợp đồng giao khoán, hiện tại ông Tr đang cổ cho bà Lâm Kim H, ngoài ra không có tranh chấp với ai tại thời điểm xác minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Tổng Văn Th là người chuyển nhượng phần đất lại cho ông Nguyễn Hoàng Tr, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th nhưng ông Th không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng L. Buộc ông Nguyễn Hoàng Tr phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp giao khoán được xác lập ngày 04/9/2015 giữa ông Tr với bà L. Buộc ông Tr phải có trách nhiệm giao cho bà L thành quả lao động gắn liền đối với phần đất lâm nghiệp do ông Tr nhận giao khoán từ Ban Quản lý rừng phòng hộ T, thuộc thửa số 321, khoảnh 10, Tiểu khu 134 (trước đây thuộc Tiểu khu 132), có diện tích 3,9ha tọa lạc ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Buộc bà L có trách nhiệm giao cho ông Tr số tiền 200.000.000 đồng.

- Buộc ông Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lâm Kim H tiền nhận “cổ vuông” là 200.000.000 đồng.

Hợp đồng cổ đất giữa ông Tr và bà H không được pháp luật công nhận. Bà H có trách nhiệm giao trả cho ông Tr phần đất vuông nhận cổ.

Đối với quyết định kê biên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N do Chi cục THADS huyện N thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2017, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Tr có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động

trên đất lâm nghiệp giữa ông Tr và bà L ; Tiếp tục duy trì kết quả kê biên, kết quả thỏa thuận giá 450.000.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N .

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Tr và bà L có xác lập hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên phần đất 39.000 m² thuộc Tiểu khu 134, ấp H, xã T, huyện N , tỉnh Cà Mau thuộc sự quản lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ T . Các bên chưa xác lập hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động mà chỉ thể hiện tại “Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động” lập ngày 04/9/2015 do ông Tr và bà L ký tên thể hiện việc chuyển nhượng thành quả lao động với vị trí, diện tích, ranh giới, hiện trạng và các tài sản khác nhưng không thể hiện giá chuyển nhượng (BL 06). Đến ngày 09/9/2015 ông Tr đã làm biên nhận, nhận của bà L số tiền 150.000.000 đồng và thỏa thuận giá chuyển nhượng là 350.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đến mãn hạn hợp đồng cổ vuông thì bà L trả đủ. Như vậy, khi ông Tr và bà L thỏa thuận việc chuyển nhượng thành quả lao động trong thời gian phần đất ông Tr đang cố cho bà H đến ngày 22/5/2017 mới mãn hợp đồng. Do đó, các bên chưa xác lập hợp đồng chuyển nhượng, mặc dù đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động của ông Tr được sự đồng ý của Tiểu khu 134 và sự xác nhận của Ban nhân dân ấp H và UBND xã T .

Mặt khác, phần đất trên cho Ban Quản lý rừng phòng hộ T quản lý nhưng việc ông Tr xin phép chuyển nhượng chưa được sự đồng ý của Ban quản lý rừng phòng hộ T .

Trong thời gian các bên chưa hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động thì phần đất trên đã bị Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N kê biên để thi hành bản án cho bà T . Trước khi kê biên Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đã xác minh phần đất trên không có tranh chấp với ai ngoài việc ông Tr đang cố cho bà H .

Theo Công văn số 18/TLYK-BQL ngày 29/6/2017 của Ban quản lý rừng phòng hộ T xác định việc chuyển nhượng đất giữa bà L và ông Tr là chưa hợp lý về trình tự, thủ tục vì chưa được Ban quản lý rừng phòng hộ T ký xác nhận cho phép chuyển nhượng, tuy nhiên nếu phần đất trên không liên quan đến việc kê biên thì Ban quản lý rừng vẫn đồng ý cho chuyển nhượng thành quả lao động.

Xét thấy, ông Tr và bà L thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động nhưng chưa lập hợp đồng chuyển nhượng, chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, chưa giao đất vì đất trong thời gian ông Tr đang cố đất cho bà H chưa thanh toán hợp đồng, nên các bên thực hiện việc chuyển nhượng chưa đảm bảo về hình thức của giao dịch dân sự được quy định tại khoản 2 Điều 117 của Bộ luật Dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Do đó giao dịch dân sự bị vô hiệu theo Điều 122 Bộ luật Dân sự.

[2] Do hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động giữa ông Tr và bà L bị vô hiệu nên ông Tr phải trả cho bà L 150.000.000 đồng.

[3] Lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu là lỗi của ông Tr do đó ông Tr phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà L .

[4] Xét về giá trị thiệt hại, hiện nay các bên không xác định được nhưng ông Tr đã nhận của bà L 150.000.000 đồng nên ông Tr phải bồi thường thiệt hại cho bà L bằng số tiền lãi theo quy định của pháp luật trong thời gian ông Tr nhận tiền của bà L từ ngày 09/9/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm là 02 năm 02 tháng 21 ngày với mức lãi suất 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về lãi suất cơ bản thì mức lãi suất quy định là 09%/năm. Do đó, buộc ông Tr phải trả cho bà L số tiền lãi là: 150.000.000 đồng x 9%/ năm x 02 năm 02 tháng 21 ngày x 150% = 45.056.000 đồng.

[5] Đối với hợp đồng cổ đất giữa bà H với ông Tr được xác lập ngày 22/5/2014, theo Công văn số 20/TLYK-BQL ngày 10/7/2017 của Ban quản lý rừng phòng hộ T xác định ông Tr và bà H không có quyền cầm cố thành quả lao động trên phần đất được nhận khoán đất lâm nghiệp theo quy định của Ban quản lý rừng. Vì vậy, hợp đồng cổ thành quả lao động giữa ông Tr và bà H bị vô hiệu. Do đó, ông Tr phải trả cho bà H 200.000.000 đồng và bà H phải giao lại phần đất lâm nghiệp có diện tích 3,9ha thuộc thửa số 321, khoảnh 10, Tiểu khu 134 (trước đây thuộc Tiểu khu 132), tọa lạc ấp H, xã T, huyện N , tỉnh Cà Mau.

[6] Xét thấy cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động giữa bà L với ông Tr là hợp pháp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là không có cơ sở nên cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N .

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên phần đất lâm nghiệp vô hiệu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tổng số tiền là 1.000.000 đồng, bà L tự nguyện nộp và không có yêu cầu nên bà L tự chịu. Đã qua bà L đã nộp đủ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên số tiền ông Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà H và bà L .

- Bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà L không được chấp nhận là 300.000 đồng.

- Bà H không phải chịu án phí.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Tr nên ông Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Tr.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N .

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp giao khoán được xác lập ngày 09/9/2015 giữa ông Nguyễn Hoàng Tr với bà Nguyễn Hồng L vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng cổ đất được xác lập ngày 22/5/2014 giữa ông Nguyễn Hoàng Tr với bà Lâm Kim H vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Hoàng Tr phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Hồng L 150.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại là 45.056.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 195.056.000 đồng. (Một trăm chín mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng)

Buộc ông Nguyễn Hoàng Tr phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lâm Kim H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Lâm Kim H phải giao trả cho ông Nguyễn Hoàng Tr phần đất lâm nghiệp do ông Tr nhận giao khoán từ Ban Quản lý rừng phòng hộ T , thuộc thửa số 321, khoảnh 10, Tiểu khu 134 (trước đây thuộc Tiểu khu 132), có diện tích 3,9ha tọa lạc ấp H, xã T, huyện N , tỉnh Cà Mau.

Đối với quyết định kê biên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N do Chi cục Thi hành án dân sự huyện N thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định bà Nguyễn Hồng L phải chịu 1.000.000 đồng, bà L đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng Tr phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 19.752.800 đồng.

- Bà Nguyễn Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ngày 28/4/2017 bà L có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015420 được đối trừ, bà L đã nộp đủ án phí.

- Bà Lâm Kim H không phải chịu án phí. Đã qua bà H có dự nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015435 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Tr không phải chịu. Đã qua, ông Tr đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0015590 ngày 15/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được hoàn lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N ;
- Chi cục THADS huyện N ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Bùi Thị Phương Loan